

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 16 /CV – CLL

TPHCM, ngày 17 tháng 3 năm 2023

V/v Công bố thông tin:
Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2022
Đã kiểm toán

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HCM,

Tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI.

Trụ sở chính: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, TPHCM.

Điện thoại: 028.3740.2488 – Fax: 028.3740.2487.

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Chí Đăng

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, Tp. Thủ Đức, TPHCM.

Điện thoại: 028.3740.2488 – Fax: 028.3740.2487.

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo Tài chính Hợp nhất năm 2022. Đã kiểm toán.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin

GIÁM ĐỐC 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TK HĐQT, Th03.



Lê Chí Đăng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 39

Số: 2.0147/23/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Nhóm Công ty”), được lập ngày 14 tháng 03 năm 2023, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

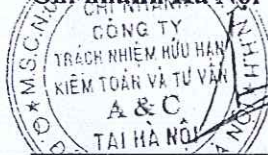
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội

**Vũ Minh Khôi** - Thành viên Ban Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Phạm Quốc Huy - Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 4918-2019-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		383.507.653.388	331.841.899.362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	230.800.925.475	221.534.111.671
1. Tiền	111		39.890.460.041	13.200.397.117
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.910.465.434	208.333.714.554
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89.409.653.155	61.206.575.342
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89.409.653.155	61.206.575.342
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.126.496.544	42.979.265.858
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	52.728.072.974	32.718.201.109
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	171.454.436	5.806.361.155
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	7.230.403.576	5.439.869.717
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(1.003.434.442)	(985.166.123)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.082.804.000	2.919.617.880
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.082.804.000	2.919.617.880
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.087.774.214	3.202.328.611
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.835.379.118	645.854.269
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.088.237.325	538.300.616
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	164.157.771	2.018.173.726
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.490.771.439	346.709.029.796
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		162.000.000	394.323.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		162.000.000	394.323.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		231.522.794.608	257.147.577.724
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	153.356.358.114	177.384.593.142
<i>Nguyên giá</i>	222		629.902.506.169	630.621.414.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(476.546.148.055)	(453.236.821.567)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	78.166.436.494	79.762.984.582
<i>Nguyên giá</i>	228		101.601.504.441	101.601.504.441
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.435.067.947)	(21.838.519.859)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	990.145.342
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	-	990.145.342
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		85.966.040.096	86.014.063.133
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	83.707.440.096	83.755.463.133
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	2.258.600.000	2.258.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.839.936.735	2.162.920.597
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.839.936.735	2.162.920.597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		703.998.424.827	678.550.929.158

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		53.623.687.047	30.296.931.847
I. Nợ ngắn hạn	310		53.623.687.047	29.620.008.639
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	32.927.919.001	13.871.016.886
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.449.477.731	1.046.576.755
4. Phải trả người lao động	314		3.478.661.468	3.763.154.456
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	525.749.731	1.221.647.390
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	7.617.294.162	6.297.255.625
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	2.624.584.954	3.420.357.527
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	676.923.208
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	-	676.923.208
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

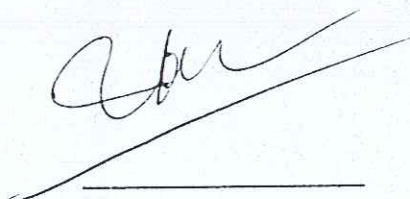
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		650.374.737.780	648.253.997.311
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	650.374.737.780	648.253.997.311
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		340.000.000.000	340.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60.123.448.000	60.123.448.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		103.623.271.921	103.623.271.921
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		130.010.680.692	127.873.778.194
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		43.918.075.033	127.873.778.194
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		86.092.605.659	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		16.617.337.167	16.633.499.196
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		703.998.424.827	678.550.929.158

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

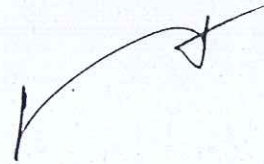
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Võ Thái Hậu



Nguyễn Việt Trường



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	263.727.304.688	264.280.885.731
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		263.727.304.688	264.280.885.731
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	138.576.079.491	157.303.276.941
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		125.151.225.197	106.977.608.790
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.252.301.571	6.864.179.039
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.173.882	60.527.118
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	59.072.936
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		4.535.759.104	4.583.782.141
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.450.859.328	103.881.001
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	23.556.431.798	19.582.778.722
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		109.930.820.864	98.678.383.129
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.568.508.533	68.636.365
13. Chi phí khác	32	VI.8	166.973.394	299.200.000
14. Lợi nhuận khác	40		2.401.535.139	(230.563.635)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.332.356.003	98.447.819.494
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	21.700.559.946	13.593.790.477
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		90.631.796.057	84.854.029.017
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		90.625.958.086	86.071.156.352
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		5.837.971	(1.217.127.335)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	2.532	2.358
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	2.532	2.358


Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Võ Thái Hậu



Nguyễn Việt Trường



Số: KS/CV-CLL
V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận sau
thuế BCTC hợp nhất quý 4/2022 đã
công bố so với BCTC hợp nhất năm
2022 được kiểm toán

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

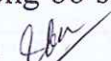
Trước tiên Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài Chính quy định “Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. Công ty phải thực hiện giải trình rõ nguyên nhân chênh lệch đó”.

Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính, Công ty cổ phần Cảng Cát Lái tiến hành công bố thông tin với nội dung BCTC hợp nhất năm 2022 có kết quả như sau:

LNST hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán	LNST hợp nhất năm 2022 chưa kiểm toán	So sánh số liệu đã kiểm toán với chưa kiểm toán	
		Tăng/giảm	%
90.631.796.057	95.528.499.655	(4.886.558.024)	(5,39%)

Nguyên nhân chủ yếu do điều chỉnh khứ bút toán ghi nhận cổ tức năm 2021 của Công ty CP Tân Cảng Quý Võ số tiền là 4.583.782.141 đồng.

Trên đây là phân giải trình về kết quả lợi nhuận sau thuế của BCTC hợp nhất quý 4/2022 đã công bố so với BCTC hợp nhất năm 2022 được kiểm toán, kính chuyển quý Ủy ban xem xét. 

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KHKD; H04

GIÁM ĐỐC 



Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		112.332.356.003	98.447.819.494
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 V.9,10		38.359.403.187	49.821.909.112
- Các khoản dự phòng	03 V.6		18.268.319	58.788.143
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4		1.173.882	1.454.182
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.320.451.419)	(11.447.961.180)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4		-	59.072.936
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		136.390.749.972	136.941.082.687
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(6.765.464.713)	2.336.894.237
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.836.813.880	(1.848.480.436)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		13.279.382.886	(23.437.659.268)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.866.540.987)	13.827.500.052
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(59.072.936)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.13		(15.592.040.893)	(14.377.732.947)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.16		22.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.16		(6.821.318.487)	(9.950.249.366)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		120.483.581.658	103.432.282.023
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(14.776.057.601)	(5.655.596.558)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.134.074.080	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(317.000.000.000)	(66.206.575.342)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		288.796.922.187	80.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.378.439.562	12.473.294.636
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30.466.621.772)	21.311.122.736

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

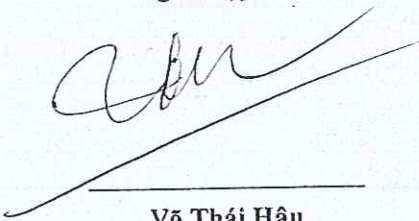
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

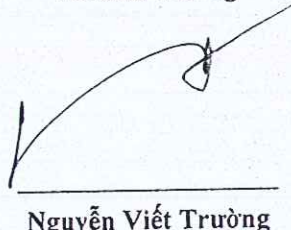
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(2.106.000.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(80.748.972.200)	(75.680.917.300)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(80.748.972.200)</i>	<i>(77.786.917.300)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	9.267.987.686	46.956.487.459
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60 V.1	221.534.111.671	174.579.078.394
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.173.882)	(1.454.182)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	<u>230.800.925.475</u>	<u>221.534.111.671</u>

Người lập biểu


Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng


Nguyễn Viết Trường

Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Giám đốc




Lê Chí Đăng

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và một công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tài cấu trúc nhóm Công ty

Trong năm, Nhóm Công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại công ty con.

5b. Danh sách Công ty con được hợp nhất

Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty con là Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 938/180 Đường Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, Thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 54,29%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ có trụ sở chính tại thôn Kiều Lương, xã Đức Long, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là cho thuê cảng cạn. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Nhóm Công ty tại công ty liên kết này là 20%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, có 93 nhân viên đang làm việc trong nhóm Công ty (số đầu năm là 95 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của Công ty mẹ thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty mẹ và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Nhóm Công ty chi bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Nhóm Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Nhóm Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ và chi phí bảo hiểm phương tiện. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm phương tiện

Chi phí bảo hiểm phương tiện được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo thời gian trên hợp đồng bảo hiểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
Tài sản cố định khác	03

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty đã được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	205.721.139	328.350.040
Tiền gửi ngân hàng	39.684.738.902	12.872.047.077
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống)	190.910.465.434	208.333.714.554
Cộng	<u>230.800.925.475</u>	<u>221.534.111.671</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	78.225.400.000	78.225.400.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	5.482.040.096	5.530.063.133
Cộng	<u>83.707.440.096</u>	<u>83.755.463.133</u>

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty mẹ sở hữu 2.523.400 cổ phần, tương ứng với 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tân Cảng Quế Võ.

Giá trị phần sở hữu của nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	83.755.463.133	83.269.935.503
Lợi nhuận trong năm	4.535.759.104	4.583.782.141
Cổ tức được chia trong năm	<u>(4.583.782.141)</u>	<u>(4.098.254.511)</u>
Số cuối kỳ	<u>83.707.440.096</u>	<u>83.755.463.133</u>

Trong năm, ngoài giao dịch nhận cổ tức từ Công ty liên kết, Nhóm Công ty không phát sinh các giao dịch nào khác với Công ty liên kết.

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh	2.258.600.000	-	2.258.600.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, nhóm Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh, không thay đổi so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>41.939.205.532</i>	<i>28.628.058.589</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	41.288.961.957	24.094.655.089
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	19.452.000	19.452.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	376.272.000	46.200.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	4.467.751.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	133.103.575	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	121.416.000	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>10.788.867.442</i>	<i>4.090.142.520</i>
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Eco Green Truck	7.410.000.000	-
Các khách hàng khác	3.378.867.442	4.090.142.520
Cộng	<u>52.728.072.974</u>	<u>32.718.201.109</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Thiết kế Số Một	117.786.386	-
Văn phòng Luật sư Thịnh Quốc - Chi nhánh Cà Mau	-	385.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân ^(*)	-	4.687.233.543
Các nhà cung cấp khác	53.668.050	734.127.612
Cộng	<u>171.454.436</u>	<u>5.806.361.155</u>

^(*) Là khoản ứng trước 40% giá trị hợp đồng dự án Xây dựng tòa nhà văn phòng.**5. Phải thu khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.493.415.086</i>	<i>-</i>	<i>1.036.180.498</i>	<i>-</i>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - thu chi hộ	1.493.415.086	-	1.036.180.498	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>5.736.988.490</i>	<i>(17.558.567)</i>	<i>4.403.689.219</i>	<i>(17.558.567)</i>
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.377.916.444	-	1.924.284.398	-
Tạm ứng	1.411.659.069	-	1.677.494.469	-
Các khoản chi hộ	1.184.508.022	-	130.916.925	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - phải thu tiền đặt cọc đã hết hạn hợp đồng	428.450.000	-	428.450.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	334.454.955	(17.558.567)	242.543.427	(17.558.567)
Cộng	<u>7.230.403.576</u>	<u>(17.558.567)</u>	<u>5.439.869.717</u>	<u>(17.558.567)</u>

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty Cổ phần Tuấn Lộc Quảng Trị	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)	Trên 03 năm	570.889.660	(570.889.660)
Công ty CBF Coffee	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)	Trên 03 năm	130.982.400	(130.982.400)
Công ty Cổ phần Công te nơ Tân Cảng	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)	Trên 03 năm	133.103.575	(133.103.575)
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	14.090.292	(9.863.204)	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	14.090.292	(7.045.146)
Công ty Bảo hiểm Mic An Phú	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	30.900.521	(15.450.261)		-	-
Các khách hàng khác	Trên 03 năm	143.145.342	(143.145.342)	Trên 03 năm	143.145.342	(143.145.342)
Cộng		1.023.111.790	(1.003.434.442)		992.211.269	(985.166.123)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	985.166.123	926.377.980
Trích lập dự phòng bổ sung	18.268.319	58.788.143
Số cuối năm	1.003.434.442	985.166.123

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	552.035.880	-
Công cụ, dụng cụ	1.082.804.000	-	2.367.582.000	-
Cộng	1.082.804.000	-	2.919.617.880	-

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm phương tiện	304.692.208	281.230.130
Phí sử dụng đường bộ	276.622.015	344.797.040
Chi phí nạo vét mương bãi	617.858.511	-
Chi phí sửa chữa	620.942.383	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.264.001	19.827.099
Cộng	1.835.379.118	645.854.269

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	2.583.359.603	2.162.920.597
Các chi phí trả trước dài hạn khác	256.577.132	-
Cộng	2.839.936.735	2.162.920.597

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá	179.320.238.761	359.210.801.826	92.034.973.577	55.400.545	-	630.621.414.709
Số đầu năm	97.350.000	-	-	637.699.847	77.777.778	812.827.625
Mua trong năm	15.669.728.633	-	-	1.021.972.545	1.237.762.500	17.929.463.678
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	(19.461.199.843)	-	-	(19.461.199.843)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	72.573.773.734	1.715.072.937	1.315.540.278	629.902.506.169
Số cuối năm	195.087.317.394	359.210.801.826	72.573.773.734	1.715.072.937	1.315.540.278	629.902.506.169
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.255.215.546	157.853.699.593	867.000.000	55.400.545	-	207.031.315.684
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	104.405.445.090	297.938.943.185	50.837.032.747	55.400.545	-	453.236.821.567
Khấu hao trong năm	6.744.618.630	19.237.845.278	10.372.745.340	238.792.615	168.853.236	36.762.855.099
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(13.453.528.611)	-	-	(13.453.528.611)
Số cuối năm	111.150.063.720	317.176.788.463	47.756.249.476	294.193.160	168.853.236	476.546.148.055
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	74.914.793.671	61.271.858.641	41.197.940.830	-	-	177.384.593.142
Số cuối năm	83.937.253.674	42.034.013.363	24.817.524.258	1.420.879.777	1.146.687.042	153.356.358.114
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
Mua trong năm	-	-	-
Số cuối năm	101.262.004.441	339.500.000	101.601.504.441
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	280.000.000	280.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	21.524.803.181	313.716.678	21.838.519.859
Khấu hao trong năm	1.584.648.084	11.900.004	1.596.548.088
Số cuối năm	23.109.451.265	325.616.682	23.435.067.947
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	79.737.201.260	25.783.322	79.762.984.582
Số cuối năm	78.152.553.176	13.883.318	78.166.436.494
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là dự án xây dựng trụ sở văn phòng Công ty.

	<u>VND</u>
Số đầu năm	990.145.342
Chi phí phát sinh trong năm	16.939.318.336
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(17.929.463.678)
Số cuối năm	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	20.408.139.831	8.753.099.305
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	19.302.184	7.394.180
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.997.498.414	770.491.925
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	49.920.000	774.485.000
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	-	582.278.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	2.411.585.200	6.435.753.200
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	-	1.100.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	104.274.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	91.230.000	181.597.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	12.734.330.033	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	12.519.779.170	5.117.917.581
Công ty TNHH Xây dựng Trường Xuân	2.580.086.804	-
Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck	1.620.882.800	-
Công ty TNHH Vận tải Cát Lái	1.556.117.000	-
Hộ kinh doanh Sơn Tuyền	2.849.650.000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu và Xây dựng Hưng Thành Phát	-	758.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.913.042.566	4.359.917.581
Cộng	32.927.919.001	13.871.016.886

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	114.470.915	15.011.316.129	(14.090.807.275)	806.037.939	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.789.791.041	21.700.559.946	(15.592.040.893)	4.318.728.012	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.046.576.755	-	1.961.337.869	(1.683.202.844)	1.324.711.780	-
Thuế nhà đất	-	-	15.499.175	(15.499.175)	-	-
Tiền thuê đất	-	113.911.770	383.034.798	(433.280.799)	-	164.157.771
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	(6.000.000)	-	-
Cộng	1.046.576.755	2.018.173.726	39.077.747.917	(31.820.830.986)	6.449.477.731	164.157.771

Thuế giá trị gia tăng

Nhóm công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ cung cấp cho các hãng tàu nước ngoài	0%
Cung cấp nước sạch	5%
Các dịch vụ khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nhóm công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Căn cứ Quyết định số 01/2023/QĐ-TTg ngày 31 tháng 01 năm 2023, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái được giảm 30% tiền thuê đất phải nộp năm 2022 tại phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức để đầu tư xây dựng cảng với diện tích khu đất là 59.796,2 m² tương ứng với số tiền thuê đất năm 2022 được giảm là 164.157.771 VND.

Các loại thuế khác

Nhóm Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - Chi phí bốc xếp giao nhận</i>	-	36.300.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	36.300.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	525.749.731	1.185.347.390
Chi phí sửa chữa	166.130.891	244.243.890
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	16.600.000	452.200.000
Chi phí nhiên liệu	40.529.455	488.903.500
Chi phí tiền điện	216.125.749	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	86.363.636	-
Cộng	525.749.731	1.221.647.390

15. Phải trả khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.000.000	174.000.000
Thù lao HĐQT, BKS	4.000.000	174.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	7.613.294.162	6.123.255.625
Kinh phí công đoàn	44.119.503	111.971.079
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	4.128.705	12.972.989
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	770.150.000	675.750.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4.916.658.775	4.043.630.975
Các khoản chi hộ phải trả	1.220.672.339	482.370.670
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	657.564.840	796.559.912
Cộng	7.617.294.162	6.297.255.625

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công đoàn Cơ sở Cơ quan Lực lượng thanh niên xung phong ⁽ⁱ⁾	-	284.657.596
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê ⁽ⁱⁱ⁾	-	92.265.612
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	300.000.000
Cộng	-	676.923.208

(i) Khoản phải trả về hợp tác kinh doanh xe vận tải với Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 11/HĐHT/CIL-LH ngày 21 tháng 09 năm 2015 đầu tư mua xe đầu kéo về khai thác. Theo đó, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà đầu tư mua 02 xe đầu kéo Hyundai HD700 đã qua sử dụng để làm xe kinh doanh vận tải hàng hóa Container cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái khai thác. Theo phụ lục hợp đồng số 04 ngày 29 tháng 12 năm 2017, hai bên thống nhất thời gian hợp tác kinh doanh là 08 năm kể từ tháng 10 năm 2015. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020, theo Phụ lục số 06, Công đoàn Cơ sở Cơ quan Lực lượng Thanh niên Xung phong kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong Hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 11/HĐHT/CIL-LH từ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà.

(ii) Khoản phải trả về hợp tác kinh doanh xe vận tải với Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê theo hợp đồng hợp tác đầu tư kinh doanh số 12/HĐHT/CIL-NTL ngày 29 tháng 09 năm 2015 đầu tư mua xe đầu kéo về khai thác. Theo đó, Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Nguyễn Thành Lê đầu tư mua 01 xe đầu kéo Hyundai HD700 đã qua sử dụng để làm xe kinh doanh vận tải hàng hóa Container cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái khai thác. Theo phụ lục hợp đồng số 04 ngày 29 tháng 12 năm 2017, hai bên thống nhất thời gian hợp tác kinh doanh là 08 năm kể từ tháng 10 năm 2015.

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Nhận tiền khen thưởng từ TCT</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	2.296.364.489	3.626.681.941	22.000.000	(3.967.000.000)	1.978.046.430
Quỹ phúc lợi	1.119.133.156	906.670.486	-	(1.384.125.000)	641.678.642
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.859.882	1.470.193.487	-	(1.470.193.487)	4.859.882
Cộng	3.420.357.527	6.003.545.914	22.000.000	(6.821.318.487)	2.624.584.954

CÔNG TY CỔ PHẦN CĂNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17. Vốn chủ sở hữu**17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
<i>Năm trước</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.288.384.450	124.336.594.522	19.350.637.033	647.099.064.005
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(74.800.000.000)	(1.232.000.000)	(76.032.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(2.636.649.366)	-	(2.636.649.366)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	86.071.156.352	(1.217.127.335)	84.854.029.017
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(4.427.548.372)	-	(4.427.548.372)
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước của Công ty con	-	-	334.887.471	(669.774.942)	(282.010.502)	(616.897.973)
Tăng khác	-	-	-	-	14.000.000	14.000.000
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	127.873.778.194	16.633.499.196	648.253.997.311
<i>Năm nay</i>						
Số dư đầu năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	127.873.778.194	16.633.499.196	648.253.997.311
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(81.600.000.000)	(22.000.000)	(81.622.000.000)
Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành từ lợi nhuận năm trước	-	-	-	(1.470.193.487)	-	(1.470.193.487)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	90.625.958.086	5.837.971	90.631.796.057
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm nay	-	-	-	(4.533.352.427)	-	(4.533.352.427)
Trích quỹ hoạt động HĐQT, BKS năm 2021 theo NQ ĐHQĐ năm 2022	-	-	-	(885.509.674)	-	(885.509.674)
Số dư cuối năm	340.000.000.000	60.123.448.000	103.623.271.921	130.010.680.692	16.617.337.167	650.374.737.780

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	87.161.700.000	87.161.700.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	<u>400.123.448.000</u>	<u>400.123.448.000</u>

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 17/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 28 tháng 6 năm 2022 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021	
• Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	: 1.470.193.487
• Chia cổ tức	: 81.600.000.000
• Trích quỹ hoạt động HĐQT, BKS	: 885.509.674
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% LNST)	: 4.533.352.427

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.673,36 USD (số đầu năm là 3.686,56 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu dịch vụ cho thuê cảng biển	150.000.000.000	146.500.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	69.339.426.785	72.541.436.362
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	27.084.476.256	27.778.950.000
Doanh thu bán hàng hóa	75.285.892	17.243.607
Doanh thu dịch vụ khác	17.228.115.755	17.443.255.762
Cộng	263.727.304.688	264.280.885.731

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Nhóm Công ty phát sinh các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Doanh thu cho thuê cảng biển	150.000.000.000	146.500.000.000
Doanh thu dịch vụ vận tải	54.637.058.316	60.493.305.311
Doanh thu dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	27.084.476.256	27.778.950.000
Doanh thu dịch vụ khác	17.190.396.707	17.438.481.396

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển và các dịch vụ khác cho các Công ty:

Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	968.900.000	173.850.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	479.700.000	4.230.250.000
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	16.320.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	571.040.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng	1.270.371.296	-
Hồng Ngọc Phú Quốc	-	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	1.075.575.925	-

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn dịch vụ cho thuê cảng biển	30.623.191.752	49.583.172.559
Giá vốn dịch vụ vận tải	67.394.921.333	74.465.160.757
Giá vốn dịch vụ cho thuê thiết bị xếp dỡ	24.528.493.357	19.302.074.859
Giá vốn hàng hóa đã bán	73.840.580	16.351.829
Giá vốn dịch vụ khác	15.955.632.469	13.936.516.937
Cộng	138.576.079.491	157.303.276.941

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.248.289.467	6.864.179.039
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.012.104	-
Cộng	7.252.301.571	6.864.179.039

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
4. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	-	59.072.936
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	1.173.882	1.454.182
Cộng	<u><u>1.173.882</u></u>	<u><u>60.527.118</u></u>
5. Chi phí bán hàng		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.981.489.628	-
Các chi phí khác	469.369.700	103.881.001
Cộng	<u><u>3.450.859.328</u></u>	<u><u>103.881.001</u></u>
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	12.180.692.313	11.713.668.989
Chi phí vật liệu quản lý	219.858.715	120.863.543
Chi phí đồ dùng văn phòng	712.874.919	280.705.034
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.084.185.247	328.925.191
Thuế, phí và lệ phí	52.913.040	67.526.670
Dự phòng phải thu khó đòi	18.268.319	58.788.143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.168.931.448	2.347.571.322
Các chi phí khác	6.118.707.797	4.664.729.831
Cộng	<u><u>23.556.431.798</u></u>	<u><u>19.582.778.723</u></u>
7. Thu nhập khác		
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.536.402.848	-
Thu nhập do thanh lý công cụ, dụng cụ	17.800.000	68.636.364
Thu nhập khác	14.305.685	1
Cộng	<u><u>2.568.508.533</u></u>	<u><u>68.636.365</u></u>
8. Chi phí khác		
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	299.200.000
Thuế bị phạt chậm nộp	166.973.394	-
Cộng	<u><u>166.973.394</u></u>	<u><u>299.200.000</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÀNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi trên cổ phiếu

9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	90.631.796.057	86.071.156.352
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty mẹ (*)	(4.540.542.161)	(4.427.548.372)
Quỹ khen thưởng ban điều hành Công ty mẹ	-	(1.470.193.487)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty con	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	86.091.253.896	80.173.414.493
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.532</u>	<u>2.358</u>

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính theo tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế, căn cứ kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 1+/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 28 tháng 6 năm 2022.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được tính toán lại giảm từ 2.593 VND xuống còn 2.358 VND do trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi khi xác định lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

9b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.944.761.838	17.642.629.451
Chi phí nhân công	27.111.814.950	27.033.389.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.359.403.187	49.821.909.112
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.972.618.240	63.108.974.952
Chi phí khác	19.120.931.822	19.366.681.907
Cộng	<u>165.509.530.037</u>	<u>176.973.584.835</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản và nợ tiềm tàng

Theo bản án phúc thẩm số 845/2022/KDTM-PT ngày 28 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hợp tác kinh doanh” giữa các bên gồm: Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên (“Nông nghiệp Sài Gòn”), Công ty Cổ phần Càng Cát Lái (“Công ty”) và Công ty TNHH MTV Quang Thái Hồng (“Công ty Quang Thái Hồng”), Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định:

- Buộc Công ty phải trả cho Nông nghiệp Sài Gòn khoản phí dịch vụ do chậm bàn giao mặt bằng là 43.450.000 VND/tháng tính từ ngày 01 tháng 06 năm 2019 đến ngày 01 tháng 06 năm 2021 là 24 tháng, tính thành tiền là 1.042.800.000 VND
- Công ty phải trả Nông nghiệp Sài Gòn khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ ngày 02 tháng 06 năm 2021 đến ngày 04 tháng 07 năm 2022 là 13 tháng 02 ngày với mức lãi suất 10%/năm, thành tiền là 113.541.397 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Công ty Quang Thái Hồng phải trả cho Công ty tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 01/07/2019 đến ngày 05 tháng 07 năm 2022 với lãi suất 10%/năm. Tổng số tiền lãi là: 2.614.407.467 VND.
2. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan**
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

- 2a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**
Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay				
Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT	-	362.126.369	120.000.000	482.126.369
Lê Chí Đăng - Ủy viên HĐQT/Giám đốc	1.115.042.763	330.120.573	72.000.000	1.517.163.336
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT /Phó Giám đốc	856.971.915	330.120.573	72.000.000	1.259.092.488
Nguyễn Huỳnh Mai - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Nguyễn Châu Bảo - Ủy viên HĐQT	-	298.114.776	72.000.000	370.114.776
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	80.500.879	60.000.000	140.500.879
Nguyễn Quang Phước Sơn - TV BKS (đến ngày 23/01/2022)	-	70.438.270	3.193.548	73.631.818
Nguyễn Xuân Vinh - TV BKS (đến 10/12/2021)	-	66.329.372	-	66.329.372
Tạ Cao Thái - TV BKS (từ 23/01/2022)	-	-	50.806.452	50.806.452
Lê Hải Nam - TV BKS (từ 10/12/2021)	-	4.108.899	54.000.000	58.108.899
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	763.446.412	153.602.305	-	917.048.717
Cộng	2.735.461.090	2.355.703.161	696.000.000	5.787.164.251
Năm trước				
Nguyễn Phương Nam - Chủ tịch HĐQT	-	558.178.069	120.000.000	678.178.069
Lê Thành Khoa - Phó Chủ tịch HĐQT	-	558.178.069	120.000.000	678.178.069
Lê Chí Đăng - Ủy viên HĐQT/Giám đốc	619.810.000	1.011.383.815	72.000.000	1.703.193.815
Phạm Hiếu Đạo - Ủy viên HĐQT /Phó Giám đốc	478.299.600	884.183.815	72.000.000	1.434.483.415
Nguyễn Huỳnh Mai - Ủy viên HĐQT	-	458.589.561	72.000.000	530.589.561
Nguyễn Châu Bảo - Ủy viên HĐQT	-	458.589.561	72.000.000	530.589.561
Đỗ Thanh Thành - Trưởng BKS	-	83.530.224	60.000.000	143.530.224
Nguyễn Quang Phước Sơn - TV BKS	-	73.088.946	54.000.000	127.088.946
Nguyễn Xuân Vinh - TV BKS (đến 10/12/2021)	-	73.088.946	53.419.355	126.508.301
Lê Hải Nam - TV BKS (từ 10/12/2021)	-	-	580.645	580.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Họ tên - Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
Nguyễn Việt Trường - Kế toán trưởng	423.863.706	619.470.828	-	1.043.334.534
Cộng	1.521.973.306	4.778.281.834	696.000.000	6.996.255.140

2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với nhóm Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên Xung phong	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Bên liên quan của cổ đông lớn
Công ty TNHH Tân Cảng Tây Ninh	Bên liên quan của cổ đông lớn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Chia cổ tức	20.918.808.000	19.175.574.000
Sử dụng dịch vụ	1.165.375.783	105.465.000
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng		
Chia cổ tức	2.970.000.000	2.722.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong		
Trả cổ tức bằng tiền	17.997.000.000	16.497.250.000
Sử dụng dịch vụ của các công ty:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	17.529.574.582	4.950.917.811
Công ty Cổ phần Tân Cảng Gantry	-	134.020.260
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	2.440.000	27.908.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ thông tin Tân Cảng	2.909.000	-
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	4.800.000	-
Công ty TNHH Tân Cảng - Tây Ninh	85.886.952	602.608.182
Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng	-	13.754.958.180
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	45.381.818	704.077.272
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	188.674.074	2.786.480.078
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	-	93.300.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	96.550.000	52.936.364
Công ty Cổ phần Đầu tư tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	15.375.085.958	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân cảng - Đồng Nai	35.250.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5 và V.12. Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ nhóm Công ty cung cấp.

3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Nhóm Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực cho thuê cảng biển
- Lĩnh vực dịch vụ vận tải
- Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ
- Các lĩnh vực khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của nhóm Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực cho thuê cảng biển	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Lĩnh vực cho thuê thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	150.000.000.000	69.339.426.785	27.084.476.256	17.303.401.647	263.727.304.688
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	150.000.000.000	69.339.426.785	27.084.476.256	17.303.401.647	263.727.304.688
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	119.376.808.248	1.944.505.452	2.555.982.899	1.273.928.598	125.151.225.197
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	(27.007.291.126)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	98.143.934.071
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	4.535.759.104
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	7.252.301.571
Chi phí tài chính	-	-	-	-	(1.173.882)
Thu nhập khác	-	-	-	-	2.568.508.533
Chi phí khác	-	-	-	-	(166.973.394)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	(21.700.559.946)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	90.631.796.057
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	18.742.291.303	2.945.527.808	-	-	21.687.819.111
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.665.371.460	16.636.361.557	4.391.754.486	122.447.724	40.815.935.227

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực cho thuế cảng biển	Lĩnh vực dịch vụ vận tải	Lĩnh vực cho thuế thiết bị xếp dỡ	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	146.500.000.000	72.541.436.362	27.778.950.000	17.460.499.369	264.280.885.731
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	146.500.000.000	72.541.436.362	27.778.950.000	17.460.499.369	264.280.885.731
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	96.916.827.441	(1.923.724.395)	8.476.875.141	3.507.630.603	106.977.608.790
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(19.686.659.723)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					87.290.949.067
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					4.583.782.141
Doanh thu hoạt động tài chính					6.864.179.039
Chi phí tài chính					(60.527.118)
Thu nhập khác					68.636.365
Chi phí khác					(299.200.000)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(13.593.790.477)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					84.854.029.017
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	2.919.329.497	-	-	2.919.329.497
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	19.665.371.460	22.208.061.695	122.447.724	-	41.995.880.879

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3b. Thông tin về khu vực địa lý

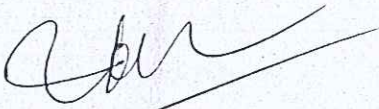
Hoạt động của nhóm Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực nội địa.

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

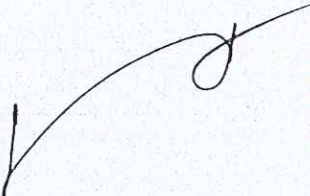
Lập, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu



Võ Thái Hậu

Kế toán trưởng



Nguyễn Việt Trường

Giám đốc




Lê Chí Đăng